

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24/01/2022

V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Phạm Hương

2. Ông Nguyễn Thành Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Xuân Uyên, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 909/2021/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Mai Thị T, sinh năm: 1973

Địa chỉ: 770/13E Q, khu phố 11, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Đạo Thanh X, sinh năm: 1970

Địa chỉ: 770/13E Q, khu phố 11, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 08 tháng 11 năm 2021 của bà Mai Thị T, và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Mai Thị T là nguyên đơn trình bày: Vợ chồng bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn gay gắt. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ

chồng không có hạnh phúc. Do vợ chồng chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn, mâu thuẫn gay gắt dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân với ông Đạo Thanh X.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đào Nữ Hoàng Thu, sinh ngày 17/5/1999 (hiện đã thành niên) và Đạo Mai Nữ Hoàng Yến, sinh ngày 11/12/2005. Bà đồng ý giao con chung tên Đạo Mai Nữ Hoàng Yến cho ông Xuân trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có

Ông Đạo Thanh X là bị đơn trình bày: Ông xác nhận thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng đúng như lời trình bày của bà Mai Thị T. Thời gian sống ly thân đã khá lâu nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên ông đồng ý yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ hôn nhân với bà Mai Thị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Đào Nữ Hoàng Thu, sinh ngày 17/5/1999 (hiện đã thành niên) và Đạo Mai Nữ Hoàng Yến, sinh ngày 11/12/2005. Ông yêu cầu nuôi con chung tên Đạo Mai Nữ Hoàng Yến. Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có

Vụ án không tiến hành hòa giải được do hai bên sống chung nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và có đơn xin vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét qua đơn xin ly hôn của bà Mai Thị T, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”. Bị đơn ông Đạo Thanh X có nơi cư trú tại 770/13E Q, khu phố 11, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bà Mai Thị T và ông Đạo Thanh X cùng có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Thủy, ông Xuân là phù hợp.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét qua yêu cầu xin không công nhận quan hệ hôn nhân của bà Mai Thị T đối với ông Đạo Thanh X. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn thì hai ông bà tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay bà Thủy yêu cầu không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Xuân, căn cứ

vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị T và ông Đạo Thanh X.

[4.2] Về con chung: Cả hai bên đều thừa nhận có 02 con chung tên là Đào Nữ Hoàng Thư, sinh ngày 17/5/1999 (hiện đã thành niên) và Đạo Mai Nữ Hoàng Yến, sinh ngày 11/12/2005. Xét thấy, việc nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là trách nhiệm của cả cha và mẹ. Nay hai bên thống nhất giao con chung tên Đạo Mai Nữ Hoàng Yến cho ông Đạo Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu này cũng phù hợp với nguyện vọng của trẻ Yến. Căn cứ theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc giao trẻ Đạo Mai Nữ Hoàng Yến cho ông Đạo Thanh X nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4.4] Về nợ chung: Hai bên cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Bà Mai Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Mai Thị T và ông Đạo Thanh X.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Đào Nữ Hoàng Thư, sinh ngày 17/5/1999 (hiện đã thành niên) và Đạo Mai Nữ Hoàng Yến, sinh ngày 11/12/2005.

Ghi nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc giao con chung tên Đạo Mai Nữ Hoàng Yến cho ông Đạo Thanh X trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Mai Thị T, ông Đạo Thanh X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Mai Thị T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà Mai Thị T, ông Đạo Thanh X đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà Mai Thị T, ông Đạo Thanh X tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: bà Mai Thị T, ông Đạo Thanh X cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Bà Mai Thị T chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được cản trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Mai Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0032845 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Mai Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh